TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 373/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh ngày 09/02/2001, số căn cước: 048201000440 ngày cấp: 12/02/2026; nơi cấp: Bộ C; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Văn Thị Ngọc P1**, sinh ngày 06/9/2005, số căn cước công dân: 062305008361 ngày cấp: 04/03/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký thường trú: 120 N, tổ I, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Chổ ở hiện nay: 511 K, tổ G H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 kết hôn với nhau vào năm 2026 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đà Nẵng *(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156/2026 ngày 14/04/2026),* hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại E K, tổ G H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống, tính cách của vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy,

ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung; Tài sản chung; nợ chung: ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 thống nhất xác định vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:* ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 thống nhất xác định vợ chồng không có con chung; Không có tài sản chung; Không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005293 ngày 20/5/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông Nguyễn Hữu P và bà Văn Thị Ngọc P1 đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hoà Khánh, TP Đà Nẵng *(theo GCNKH số 156/2026 ngày 14/04/2026)*;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương